

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---***---

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/9/2020.

“Kiện xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các hội thẩm nhân dân:

Bà **Chúc Thị Phương.**

Ông **Lương Quang Toán.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Bà **Ma Thị Thắm**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc *“Kiện xin ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tàm Thị V**, sinh năm 1990.

* Bị đơn: Anh **Đình Xuân V1**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị V có mặt và anh V1 vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tàm Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đình Xuân V1 kết hôn ngày 30/3/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống không được hoà thuận, hạnh phúc nguyên nhân là do chồng chị không tu chí làm ăn thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, khi chị khuyên

bảo thì anh V1 lại lấy có đánh đập, chửi bới chị khiến cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị kéo dài rất nhiều năm, anh em họ hàng hai bên, trưởng thôn Nà Vai, Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành hòa giải rất nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể nào khắc phục, do anh V1 không chịu thay đổi. Tháng 9/2019 do không thể chung sống chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn Nà Noong, xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân V1 chấm dứt tình cảm như hiện nay.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đinh Thị Yến Nh, sinh ngày 20/7/2013 và cháu Đinh Gia H, sinh ngày 27/7/2018. Nay ly hôn chị có nguyện V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Gia H, còn cháu Đinh Thị Yến Nh sẽ do anh V1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Đinh Xuân V1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tâm Thị V kết hôn với nhau ngày 30/3/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V tự nhiên thay đổi thái độ với anh, thường xuyên cáu gắt mắng chửi chồng con và gia đình nhà chồng vô cớ. Bản thân anh làm ăn thua lỗ, kinh tế eo hẹp nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không được đồng thuận. Chị V tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 11/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chỉ liên lạc và qua lại để thăm con cái. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Đinh Thị Yến Nh, sinh ngày 20/7/2013 và cháu Đinh Gia H, sinh ngày 27/7/2018. Nếu ly hôn anh có nguyện V được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị V không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Na Hang lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Ngày 13/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Na Hang nhận được đơn của chị

Tàm Thị V về việc thay đổi ý kiến và không nhất trí đối với biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Ngày 16 tháng 3 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã có Thông báo về việc thay đổi ý kiến và không nhất trí của chị Tàm Thị V đối với Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/3/2020 nhưng anh V1 không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa chị V giữ nguyên quan điểm của mình là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Xuân V1; Về con chung: Chị có nguyện V được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đinh Thị Yến Nh và Đinh Gia H và yêu cầu anh Đinh Xuân V1 cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng/hai con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đinh Xuân V1 vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần) và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gì khác ngoài biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn anh V1 đã không thực hiện đầy đủ theo giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tàm Thị V, xử cho chị V được ly hôn với anh Đinh Xuân V1.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Yến Nh, sinh ngày 20/7/2013 và cháu Đinh Gia H, sinh ngày 27/7/2018 cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, buộc anh Đinh Xuân V1 phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng/hai con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

- Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và anh V1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung;

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Chị Tàm Thị V đã nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh các con, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân.

Tòa án xác minh với Trưởng Thôn N, xã N; Lấy lời khai cháu Đinh Thị Yến Nh.

Các đương sự thống nhất được với nhau về quan hệ hôn nhân, về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn các đương sự chưa thống nhất được, về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ngày 18/02/2020 Tòa án huyện Na Hang thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tầm Thị V với anh Đinh Xuân V1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị V có mặt, anh V1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần 1 và lần 2. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh V1 là hợp pháp, hai bên tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Chị V và anh V1 chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh V1 thường xuyên uống rượu rồi gây sự đánh chửi vợ con, khoảng tháng 6/2019 chị V có mời bố mẹ hai bên đến và Ban hòa giải của thôn đến hòa giải, khuyên bảo nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị V và anh V1 sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, chị V và anh V1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tầm Thị V và anh Đinh Xuân V1 đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Tầm Thị V được ly hôn với anh Đinh Xuân V1.

[3] **Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Tầm Thị V có nguyện V được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Cháu Đinh Thị Yến Nh và Đinh Gia H và yêu cầu anh V1 cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/hai cháu, anh Đinh Xuân V1 có nguyện V được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung, nguyện V nuôi dưỡng con chung của chị V và anh V1 là hợp lý và hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Đinh Gia H còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của trẻ nhỏ cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu Huy, cháu Đinh Thị Yến Nh có nguyện V được ở với chị V. Qua xác minh tại Thôn N, xã N, huyện Na Hang cho thấy hiện nay hai con chung đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh V1 đi làm công nhân ở các khu công nghiệp không có mặt tại địa phương, do đó không đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Hộ gia đình anh V1 không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn, mức thu nhập bình quân đối với lao động phổ thông bình thường trong thôn là 1.700.000đ/tháng/người, tại biên bản lấy lời khai anh V1 trình bày hiện nay anh đang làm công nhân tại tỉnh V1 Phúc mức thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng. Do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đinh Thị Yến Nh, sinh ngày 20/7/2013 và cháu Đinh Gia H, sinh ngày 27/7/2018 cho chị Tầm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh Đinh Xuân V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng là 1.000.000/tháng/hai con (mỗi con 500.000đ/tháng) và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Tầm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Đinh Xuân V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tầm Thị V. Cho chị Tầm Thị V được ly hôn với anh Đinh Xuân V1. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh V1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Yến Nh, sinh ngày 20/7/2013 và cháu Đinh Gia H, sinh ngày 27/7/2018 cho chị Tầm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đinh Xuân V1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/hai con (mỗi con là 500.000đ). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nhi và cháu Huy đủ 18 tuổi. Anh V1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

3. Về án phí: Chị Tầm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Chị Tầm Thị V đã nộp tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền N° 0006070 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, nay khấu trừ 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chuyển thành tiền án phí ly hôn. Chị Tầm Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Anh Đinh Xuân V1 phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chúc Thị Phương - Lương Quang Toán

Lương Thị Huệ

